

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN  
MEATLIFE  
MASAN MEATLIFE CORPORATION**

\*\*\*\*\*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence – Freedom - Happiness**

\*\*\*\*\*

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025  
Ho Chi Minh City, March 03th, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF  
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE HANOI STOCK EXCHANGE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
**To:** - *The State Securities Commission*  
- *The HaNoi Stock Exchange*

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

*Name of organization: Masan MEATLife Corporation*

Mã cổ phiếu: **MML**

*Stock code: MML*

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Head office address: 10th Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

*Phone: 028 6256 3862*

*Fax: 028 3827 4115*

Website: [www.masanmeatlife.com.vn](http://www.masanmeatlife.com.vn)

Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

*Authorized person for information disclosure: Mrs. Do Thi Thu Nga*

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

*Type of information disclosure:  24h  72h  Upon Request  Extraordinary  Periodic*

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất năm 2024 và Công văn giải trình biến động lợi nhuận.**

*Disclosed information content: **Seperated and Consolidated Financial Statement in 2024 and Profit fluctuations explanation letter.***

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/03/2025 tại đường dẫn: [https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang\\_ui=vn](https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn)

*This information was published on the Company's website on January 30, 2025, at the following link:*

[https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang\\_ui=vn](https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We hereby certify that the disclosed information is truthful and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE  
REPRESENTATIVE OF MASAN MEATLIFE  
CORPORATION**

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin  
*Authorized person for information disclosure*

**CÔNG TY CỔ  
PHẦN MASAN  
MEATLIFE**



Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
MASAN MEATLIFE  
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ  
PHẦN MASAN MEATLIFE,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0311224517,  
E=TAMNT47@VIETTEL.COM.VN  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2025.03.03 08:51:42+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

**ĐỖ THỊ THU NGÀ**  
**Giám Đốc Pháp Lý**  
*Legal Director*



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Trần Phương Bắc  
Ông Huỳnh Việt Thăng  
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

**Ủy ban Kiểm toán**

Ông Huỳnh Việt Thăng  
Ông Trần Phương Bắc

Trưởng ban  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

12  
1  
NG  
K  
H

12  
1  
NG  
K  
H

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00460-25-1



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>385.090.244.882</b>	<b>3.373.380.970.847</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.908.040.032</b>	<b>12.076.818.067</b>
Tiền	111		10.685.040.032	12.076.818.067
Các khoản tương đương tiền	112		1.223.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>372.110.381.486</b>	<b>3.360.717.280.590</b>
Phải thu của khách hàng	131	5	189.165.521.212	123.859.082.604
Trả trước cho người bán	132		157.492.460	3.180.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(a)	136.500.000.000	3.001.294.077.093
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	60.689.438.595	249.931.485.396
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(14.402.070.781)	(14.370.544.503)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.071.823.364</b>	<b>586.872.190</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.071.823.364	586.872.190
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>6.714.594.217.697</b>	<b>4.069.273.843.457</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.072.074.137.004</b>	<b>81.351.465.755</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6(b)	2.071.000.000.000	79.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	1.074.137.004	2.351.465.755
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.434.108.049</b>	<b>50.350.000</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		1.434.108.049	50.350.000
Nguyên giá	222		1.838.161.485	251.840.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(404.053.436)	(201.490.318)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(918.560.700)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.640.957.385.710</b>	<b>3.987.705.858.980</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	9(a)	4.849.828.300.000	3.829.862.020.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	9(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(a)	(856.973.638.307)	(490.258.885.037)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>128.586.934</b>	<b>166.168.722</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		128.586.934	166.168.722
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.099.684.462.579</b>	<b>7.442.654.814.304</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

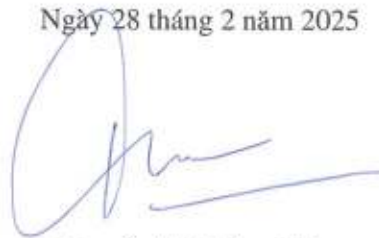
**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.112.013.626.600</b>	<b>2.455.528.001.277</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.413.164.599</b>	<b>474.075.325.264</b>
Phải trả người bán	311	10	18.111.930.145	27.871.464.463
Người mua trả tiền trước	312		293.374.649	293.382.022
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	6.602.361.759	7.163.475.860
Chi phí phải trả	315	12	94.275.412.395	116.950.964.375
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	3.130.085.651	321.796.038.544
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.989.600.462.001</b>	<b>1.981.452.676.013</b>
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	14	1.988.075.470.001	1.980.932.752.013
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.524.992.000	519.924.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>4.987.670.835.979</b>	<b>4.987.126.813.027</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>4.987.670.835.979</b>	<b>4.987.126.813.027</b>
Vốn cổ phần	411	16	3.290.525.930.000	3.271.329.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.290.525.930.000	3.271.329.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.137.102.965.149	2.126.179.665.149
Lỗi lũy kế	421		(439.958.059.170)	(410.382.252.122)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(410.382.252.122)	41.568.626.096
- Lỗ sau thuế năm nay/năm trước	421b		(29.575.807.048)	(451.950.878.218)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.099.684.462.579</b>	<b>7.442.654.814.304</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2025



Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 02 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>161.828.085.340</b>	<b>100.518.000.000</b>
<b>Giá vốn dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>		<b>154.121.986.039</b>	<b>95.731.428.571</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>7.706.099.301</b>	<b>4.786.571.429</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	522.472.903.218	196.048.379.009
Chi phí tài chính	22	21	555.413.198.132	640.313.645.513
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		177.986.160.410	216.787.488.549
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.339.532.509	13.324.035.945
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)</b>	<b>30</b>		<b>(29.573.728.122)</b>	<b>(452.802.731.020)</b>
Thu nhập khác	31		-	865.234.102
Chi phí khác	32		2.078.926	13.381.300
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.078.926)</b>	<b>851.852.802</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(29.575.807.048)</b>	<b>(451.950.878.218)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(29.575.807.048)</b>	<b>(451.950.878.218)</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2025



Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điềm  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(29.575.807.048)</b>	<b>(451.950.878.218)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	202.563.118	2.650.000
Các khoản dự phòng	03	368.476.579.630	413.448.802.073
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(877.846)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(522.472.903.218)	(196.037.914.603)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	188.637.097.576	223.930.206.537
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.267.530.058</b>	<b>(10.608.012.057)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(77.680.392.108)	(86.121.138.854)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(5.778.317.246)	(4.348.482.295)
Biến động chi phí trả trước	12	(447.369.386)	170.262.407
		<b>(78.638.548.682)</b>	<b>(100.907.370.799)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(189.350.430.329)	(214.773.723.947)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(267.988.979.011)</b>	<b>(315.681.094.746)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.586.321.167)	(53.000.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	363.636.364
Tiền chi cho vay	23	(2.131.000.000.000)	(236.500.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay	24	2.018.794.077.093	492.055.922.907
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(350.000.000.000)	(740.000.000.000)
Tiền thu từ hoàn trả vốn góp từ các công ty con	26	-	2.699.949.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	701.526.131.050	122.472.880.541
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>237.733.886.976</b>	<b>2.338.288.439.812</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí phát hành	31	30.119.830.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	60.000.000.000	3.645.400.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.000.000.000)	(5.663.600.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(33.516.000)	(209.475)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>30.086.314.000</b>	<b>(2.018.200.209.475)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(168.778.035)</b>	<b>4.407.135.591</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>12.076.818.067</b>	<b>7.668.804.630</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>877.846</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>11.908.040.032</b>	<b>12.076.818.067</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

  
**Mã Hồng Kim**  
*Kế toán trưởng*

  
**Nguyễn Thị Hồng Điềm**  
*Giám đốc Tài chính*

  
**Nguyễn Quốc Trung**  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## Công ty Cổ phần Masan MEATLife

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

### (c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2024: 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 9.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 177 nhân viên (1/1/2024: 127 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư**

***Đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết***

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị. Dự phòng giảm giá đầu tư không được lập khi Công ty đánh giá rằng không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- phương tiện vận chuyển 5 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

**(g) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(i) Trái phiếu thường phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(m) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

**(n) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và trái phiếu, và chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); dự phòng đầu tư tài chính dài hạn; và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(o) Thuê hoạt động**

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

**(q) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	10.685.040.032	12.076.818.067
Các khoản tương đương tiền	1.223.000.000	-
	11.908.040.032	12.076.818.067

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

**5. Phải thu của khách hàng**

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	56.220.256.989	27.719.280.000
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	25.184.528.848	13.674.960.000
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	12.045.853.956	10.289.160.000
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	4.662.824.265	13.354.200.000
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	41.982.534.302	15.785.280.000
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	20.455.411.631	10.008.360.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	8.007.304.021	5.956.200.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	6.126.920.051	11.772.000.000

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT (*)	70.000.000.000	-
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (*)	66.500.000.000	243.916.497.299
<i>Bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (*)	-	1.772.377.579.794
<i>Bên thứ ba</i>		
▪ Phải thu về cho vay từ một đối tác (Thuyết minh 9(a))	-	985.000.000.000
	136.500.000.000	3.001.294.077.093

(\*) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>			
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT (*)	2025	-	79.000.000.000
<i>Công ty con sở hữu gián tiếp</i>			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (*)	2026	150.000.000.000	-
<i>Bên liên quan khác</i>			
▪ Công ty TNHH Zenith Investment (*)	2027	1.921.000.000.000	-
		2.071.000.000.000	79.000.000.000

(\*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay liên quan.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ cho vay	38.166.480.009	238.469.585.200
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	8.923.932	-
Phải thu khác từ các công ty con	22.421.550.591	11.335.394.330
Đặt cọc ngắn hạn	-	35.000.000
Phải thu khác	92.484.063	91.505.866
	<hr/>	<hr/>
	<b>60.689.438.595</b>	<b>249.931.485.396</b>

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i></b>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	8.141.942.934	193.010.883
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	6.521.130.075	3.918.714.567
▪ Công ty Cổ phần Masan JinJu	1.563.351.959	64.233.401
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	1.053.879.759	1.633.522.339
<b><i>Các công ty con sở hữu gián tiếp</i></b>		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	34.723.644.474	17.461.672.830
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	4.691.694.804	1.935.533.121
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01	3.316.927.661	64.299.901
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	575.458.934	1.144.223.378
<b><i>Bên liên quan khác</i></b>		
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan	-	200.181.549.932
	<hr/>	<hr/>

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Zenith Investment, một bên liên quan	384.200.000	-
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một công ty con sở hữu trực tiếp	-	2.351.465.755
Đặt cọc dài hạn	689.937.004	-
	1.074.137.004	2.351.465.755
	1.074.137.004	2.351.465.755

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay hoặc ngày hoàn trả của hợp đồng cho vay liên quan.

**8. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	14.370.544.503	19.273.669.102
Dự phòng trích lập trong năm	850.354.860	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(477.569.582)	(1.686.338.099)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(341.259.000)	(3.216.786.500)
	14.402.070.781	14.370.544.503
	14.402.070.781	14.370.544.503

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Đầu tư tài chính dài hạn****(a) Đầu tư vào các công ty con**

	31/12/2024		1/1/2024	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MEATDeli HN (“Meat Hà Nam”) (*)	100,00%	2.386.000.000.000	100,00%	2.036.000.000.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) (**)	74,99%	985.000.000.000	74,99%	315.033.720.000
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Farm Nghệ An”)	100,00%	864.000.000.000	100,00%	864.000.000.000
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”) (*)	51,00%	614.774.300.000	51,00%	614.774.300.000
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”) (***)	99,99%	54.000.000	99,99%	54.000.000
		4.849.828.300.000		3.829.862.020.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư này được xác định là có sự suy giảm giá trị, do đó, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá với số tiền là 856.974 triệu VND (1/1/2024: 490.259 triệu VND). Dự phòng cho các khoản đầu tư này được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c).

(\*\*) Đây là khoản đầu tư vào MSJ mà Công ty sở hữu thông qua hợp đồng cho vay hoán đổi. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cho vay này thì Công ty có quyền hoán đổi khoản cho vay này để sở hữu 74,99% cổ phần MSJ (“Khoản Đầu tư MSJ”) với giá hoán đổi được xác định tại ngày thực hiện quyền hoán đổi theo các điều kiện và điều khoản như quy định trong hợp đồng cho vay này và các bản điều chỉnh. Trong tháng 10 năm 2024, theo thỏa thuận với đối tác, Công ty đã thực hiện quyền hoán đổi khoản cho vay này với Khoản Đầu tư MSJ theo giá hoán đổi được xác định là 985 tỷ VND. Theo đó, giá trị khoản đầu tư đã được điều chỉnh và toàn bộ khoản cho vay hoán đổi đã được cân trừ với khoản phải trả cho Khoản Đầu tư MSJ (Thuyết minh 6(a) và Thuyết minh 13).

(\*\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, MNS Meat đang trong quá trình giải thể.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty được mô tả như sau:

<b>Tên</b>	<b>Trụ sở</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH MEATDeli HN	Lô CN-02, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Đại Cường, Thị xã Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
Công ty Cổ phần Masan JinJu	Nhà xưởng F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Xóm Côn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm
Công ty TNHH MNS Meat	(Trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế) Lô A4, Đường số 4, Khu Công nghiệp Sông Máy, Xã Bắc Sơn, Huyện Trang Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	<b>Meat Hà Nam VND</b>	<b>MSJ VND</b>	<b>Farm Nghệ An VND</b>	<b>3F VIỆT VND</b>	<b>MNS Meat VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	2.036.000.000.000	315.033.720.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	3.829.862.020.000
Tăng trong năm	350.000.000.000	669.966.280.000	-	-	-	1.019.966.280.000
Số dư cuối năm	2.386.000.000.000	985.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	54.000.000	4.849.828.300.000

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	490.258.885.037	73.955.358.964
Dự phòng trích lập trong năm	366.714.753.270	416.303.526.073
Số dư cuối năm	856.973.638.307	490.258.885.037

**(b) Đầu tư vào một công ty liên kết**

	31/12/2024 và 1/1/2024		
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Hoạt động chính của Vissan là bán buôn thực phẩm.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào một công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024.

Không có biến động của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	9.565.972.082	24.054.314.116
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	3.062.978.039	-
Các nhà cung cấp khác	5.482.980.024	3.817.150.347
	18.111.930.145	27.871.464.463

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	1.616.591.085	2.026.872.806
<i>Công ty con sở hữu trực tiếp</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	73.513.363	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	9.565.972.082	24.054.314.116
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	3.062.978.039	-
▪ Công ty Cổ phần The CrownX	1.612.828.884	1.351.076.181
▪ Công ty Cổ phần Mobicast	16.763.916	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	-	351.800
	-	351.800

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.921.437.341	15.118.349.917	(12.303.895.802)	(4.193.334.116)	3.542.557.340
Thuế thu nhập cá nhân	2.242.038.519	19.158.689.552	(18.340.923.652)	-	3.059.804.419
Thuế khác và phải nộp khác	-	138.600.000	(138.600.000)	-	-
	7.163.475.860	34.415.639.469	(30.783.419.454)	(4.193.334.116)	6.602.361.759

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	60.174.740.712	71.539.010.631
Thưởng thành tích và lương tháng 13	24.025.820.000	15.440.304.000
Chi phí khác	10.074.851.683	29.971.649.744
	94.275.412.395	116.950.964.375

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền tạm ứng từ nhân viên cho kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên	809.990.000	5.700.140.000
Cổ tức phải trả	700.205.100	733.721.100
Phải trả cho Khoản Đầu tư MSJ (Thuyết minh 9(a))	-	315.033.720.000
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	-	211.105.799
Phải trả khác	1.619.890.551	117.351.645
	3.130.085.651	321.796.038.544



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Trái phiếu phát hành dài hạn**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Trái phiếu thường phát hành	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(11.904.529.999)	(19.047.247.987)
	<hr/> 1.988.075.470.001	<hr/> 1.980.932.752.013

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	8,58% - 8,68%	2026	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000

Trái phiếu số MMLB2126001 (không bao gồm chi phí phát hành) có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất cố định là 9,5%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) của các ngân hàng được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các bên liên quan của Công ty nắm giữ 978.890 triệu VND (1/1/2024: 1.099.040 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Biến động trong năm của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	19.047.247.987	26.189.965.975
Phân bổ trong năm	(7.142.717.988)	(7.142.717.988)
Số dư cuối năm	<hr/> 11.904.529.999	<hr/> 19.047.247.987

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	41.568.626.096	5.439.077.691.245
Lỗ thuần trong năm	-	-	(451.950.878.218)	(451.950.878.218)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	(410.382.252.122)	4.987.126.813.027
Phát hành cổ phiếu mới theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (Thuyết minh 17)	19.196.530.000	10.923.300.000	-	30.119.830.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(29.575.807.048)	(29.575.807.048)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	3.290.525.930.000	2.137.102.965.149	(439.958.059.170)	4.987.670.835.979

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	327.132.940	3.271.329.400.000	327.132.940	3.271.329.400.000
Phát hành cổ phiếu	1.919.653	19.196.530.000	-	-
Số dư cuối năm	329.052.593	3.290.525.930.000	327.132.940	3.271.329.400.000

**17. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo chương trình này phải được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2024 và ngày 6 tháng 9 năm 2024, Công ty đã phát hành lần lượt 285.007 cổ phiếu và 1.634.646 cổ phiếu (2023: không) cho nhân viên theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	2.955.168.000	438.000.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	3.124.080.000	-
	6.079.248.000	438.000.000

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.088	26.288.621	1.088	26.288.621

**19. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ quản lý đã cung cấp chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi	160.364.887.618	176.034.891.828
Thu nhập lợi nhuận được chia từ một công ty con	350.000.000.000	8.906.638.346
Thu nhập cổ tức từ một công ty liên kết	12.108.015.600	11.099.014.300
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	6.956.689
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	877.846
	522.472.903.218	196.048.379.009

## 21. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	177.986.160.410	216.787.488.549
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	366.714.753.270	416.303.526.073
Chi phí phát hành trái phiếu	7.142.717.988	7.142.717.988
Chi phí khác	3.569.566.464	79.912.903
	555.413.198.132	640.313.645.513

## 22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê hoạt động	212.206.909	120.962.191
Chi phí dụng cụ văn phòng	629.771.791	621.234.688
Chi phí khấu hao và phân bổ	168.489	2.650.000
Chi phí khác	3.497.385.320	12.579.189.066
	4.339.532.509	13.324.035.945

## 23. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	142.411.603.066	93.810.000.297
Chi phí thuê hoạt động	546.257.554	1.361.278.696
Chi phí khấu hao	202.563.118	2.650.000
Chi phí khác	15.301.094.810	13.881.535.523
	746.532.528	116.601.464.516

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Lỗi kế toán trước thuế	(29.575.807.048)	(451.950.878.218)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(5.915.161.410)	(90.390.175.644)
Chi phí không được khấu trừ thuế	253.332.618	106.722.334
Thu nhập không chịu thuế	(72.421.603.120)	(4.001.130.529)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	78.083.431.912	94.955.447.994
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(670.864.155)
	-	-

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	998.671.363.591	199.734.272.718	644.898.655.272	128.979.731.054
Lỗi tính thuế	539.410.149.899	107.882.029.980	837.606.088.636	167.521.217.727
	1.538.081.513.490	307.616.302.698	1.482.504.743.908	296.500.948.781

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND</b>
2026	Chưa quyết toán	405.181.465.911
2027	Chưa quyết toán	97.584.232.750
2029	Chưa quyết toán	36.644.451.238
		539.410.149.899

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

**25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan</b>		
Chia sẻ chi phí	220.754.067	-
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản</b>		
Thu nhập cổ tức	12.108.015.600	11.099.014.300
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MNS Meat</b>		
Vay	-	2.265.400.000.000
Trả nợ gốc vay	-	2.265.400.000.000
Chi phí lãi vay	-	848.690.413
Thu hồi khoản hoàn trả vốn góp	-	2.699.949.000.000
Thu nhập từ phân phối lợi nhuận	-	8.906.638.346

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty TNHH MEATDeli HN</b>		
Vay	-	1.380.000.000.000
Trả nợ gốc vay	-	1.380.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	489.369.865
Cho vay	-	39.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	39.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	1.299.287.670
Góp vốn	350.000.000.000	740.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	45.083.631.183	25.666.000.000
Mua hàng hóa	59.784.000	-
<b>Công ty Cổ phần Masan JinJu</b>		
Vay	60.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	60.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.643.836	-
Cung cấp dịch vụ	20.587.372.191	9.527.000.000
Mua hàng hóa	57.175.926	-
<b>Công ty TNHH MML Farm Nghệ An</b>		
Thu nhập từ phân phối lợi nhuận	350.000.000.000	28.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	13.734.694.631	12.365.000.000
<b>Công ty Cổ phần 3F VIỆT</b>		
Cho vay	60.000.000.000	79.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	69.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	5.638.684.931	2.842.424.657
Cung cấp dịch vụ	10.657.008.193	12.662.000.000
<b>Công ty TNHH MNS Meat Processing</b>		
Trả nợ gốc vay	-	1.154.200.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.517.852.057
<b>Công ty TNHH MNS Farm</b>		
Trả nợ gốc vay	-	864.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.172.054.795
<b>Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn</b>		
Cho vay	150.000.000.000	118.500.000.000
Thu hồi khoản cho vay	177.416.497.299	164.283.502.701
Thu nhập lãi cho vay	15.123.924.194	17.556.155.816
Cung cấp dịch vụ	24.469.626.340	14.616.000.000
Mua hàng hóa	51.938.160	-

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT</b>		
Cung cấp dịch vụ	9.959.031.932	9.267.000.000
Mua tài sản cố định	87.522.360	-
<b>Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 01</b>		
Cung cấp dịch vụ	21.029.337.737	5.515.000.000
<b>Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.307.383.133	10.900.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b>		
Phí quản lý và công nghệ thông tin	4.596.824.081	4.407.261.551
Mua hàng hóa	16.599.999	-
Mua tài sản cố định	1.424.423.807	27.607.065
<b>Công ty Cổ phần Mobicast</b>		
Mua dịch vụ	139.934.786	87.540.993
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce</b>		
Mua hàng hóa	134.677.827	393.946.970
<b>Công ty TNHH Tầm nhìn Masan</b>		
Thu hồi khoản cho vay	1.772.377.579.794	288.772.420.206
Thu nhập lãi cho vay	138.440.031.386	154.180.718.084
<b>Công ty Cổ phần The CrownX</b>		
Mua dịch vụ	165.928.894	178.713.781
<b>Công ty TNHH Zenith Investment</b>		
Cho vay	1.921.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	384.200.000	-
<b>Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage</b>		
Mua hàng hóa	9.181.716	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	5.882.137.000	5.070.902.000

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản giao dịch thông thường.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Hội đồng Quản trị (*)</b>		
Ông Danny Le – Chủ tịch	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quốc Trung – Thành viên	-	-
<b>Ủy ban Kiểm toán (*)</b>		
Ông Huỳnh Việt Thăng – Trưởng ban	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Quốc Trung	5.882.137.000	5.070.902.000

(\*) Không có khoản phí nào được trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH MEATDeli HN	187.214.300.667	221.965.088.750



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

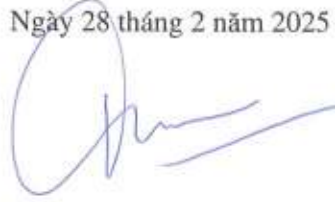
## **26. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 28 tháng 2 năm 2025



Mã Hồng Kim  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung  
Tổng Giám đốc

